

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

**Năm báo cáo: 2020**

### **I. THÔNG TIN CHUNG**

#### **1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0200493225 do Sở KH&ĐT thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/6/2013 (thay đổi lần 6).
- Vốn điều lệ: 5.000 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 6.199,19 tỷ đồng
- Địa chỉ: Thôn Đoàn, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0225. 3775.161.
- Fax: 0225.3775.162.
- Website: <http://www.ndhp.com.vn>.
- Mã cổ phiếu: HND.

#### **2. Quá trình hình thành và phát triển**

- Thực hiện chủ trương thay đổi cơ chế quản lý kinh tế của các công ty, doanh nghiệp Nhà nước, trong đó có các công ty phát điện. Ngày 30/7/2002, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 129/TB-VPCP nêu ý kiến của Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cho phép thành lập Công ty cổ phần có vốn của doanh nghiệp Nhà nước để đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng.
- Tháng 9/2002, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản, Tổng Công ty Bảo Việt, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và Tổng Công ty XNK Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) đã đi đến thống nhất thành lập Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng để đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện.
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập ngày 17/9/2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Theo đó, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng hoạt động theo Luật Doanh nghiệp gồm 05 cổ đông sáng lập, với tổng vốn điều lệ là 3.000 tỷ đồng của các đơn vị góp vốn:
  - + Tập đoàn Điện lực Việt Nam: 77,5%.
  - + Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam: 10%.
  - + Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam: 2,5%.

- + Tổng Công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam (Vinaconex): 5%.
- + Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama): 5%.
- Thực hiện tổng sơ đồ phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2001 – 2010 (Quy hoạch điện V), bù đắp sự thiếu hụt công suất của hệ thống điện tại khu vực phía Bắc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được Thủ tướng Chính phủ giao làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng theo Quyết định số 1186/QĐ-TTg ngày 13/12/2002, đồng thời, Công ty tiếp tục được Thủ tướng giao làm chủ đầu tư Dự án Nhiệt điện Hải Phòng 2 theo Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 09/11/2005.
- Đề đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2, ngày 09/01/2008, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được tổ chức tại Hà Nội đã thông qua việc tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:
  - + Vốn điều lệ đã đăng ký: 3.000.000.000.000 đồng
  - + Vốn điều lệ thay đổi: 5.000.000.000.000 đồng
  - + Thời điểm thay đổi vốn: Tháng 2/2008
  - + Mục đích thay đổi vốn: Để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2.
  - + Hình thức tăng vốn: Các cổ đông góp vốn bổ sung.
- Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 138/TTg-ĐMDN ngày 03/02/2012 về việc thành lập các Tổng công ty phát điện trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, ngày 01/6/2012 Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 3024/QĐ-BCT về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 2 (EVNGENCO 2). Theo đó, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là doanh nghiệp do EVNGENCO 2 nắm giữ 51% vốn điều lệ.
- Hiện nay, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng trở thành Công ty đại chúng được UBCKNN chấp thuận tại văn bản số 716/UB-QLPH ngày 24/02/2014.
- Ngày 05/10/2016, Cổ phiếu của Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng chính thức giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom với mã cổ phiếu HND.

### **3. Ngành nghề kinh doanh:**

- a. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.  
Chi tiết: Sản xuất điện; truyền tải và phân phối điện.
- b. Xây dựng công trình công ích.  
Chi tiết: Thi công, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo đường dây và trạm biến áp đến 220KV.
- c. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.  
Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy nhiệt điện.
- d. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- e. Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng miếng).
- f. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).

g. Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.

h. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Chi tiết: Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện.

i. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.

j. Sửa chữa máy móc, thiết bị.

k. Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học.

l. Sửa chữa thiết bị điện.

m. Giáo dục nghề nghiệp.

Chi tiết: Đào tạo dạy nghề quản lý thiết bị, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

#### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Cơ cấu tổ chức theo cấp quản lý:



Ngày 28/12/2012, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã có Biên bản bàn giao điều hành cho EVNGENCO 2. Theo đó, từ ngày 01/01/2013, EVNGENCO 2 có quyền điều hành đối với các đơn vị trực thuộc, các công ty con, công ty liên kết thuộc EVNGENCO 2, trong đó có Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

- Một số thông tin giới thiệu về Tổng Công ty Phát điện 2:

+ Tên gọi tiếng Việt: Tổng Công ty Phát điện 2.

+ Tên giao dịch tiếng Anh: POWER GENERATION CORPORATION 2.

+ Tên viết tắt bằng tiếng Anh: EVNGENCO 2.

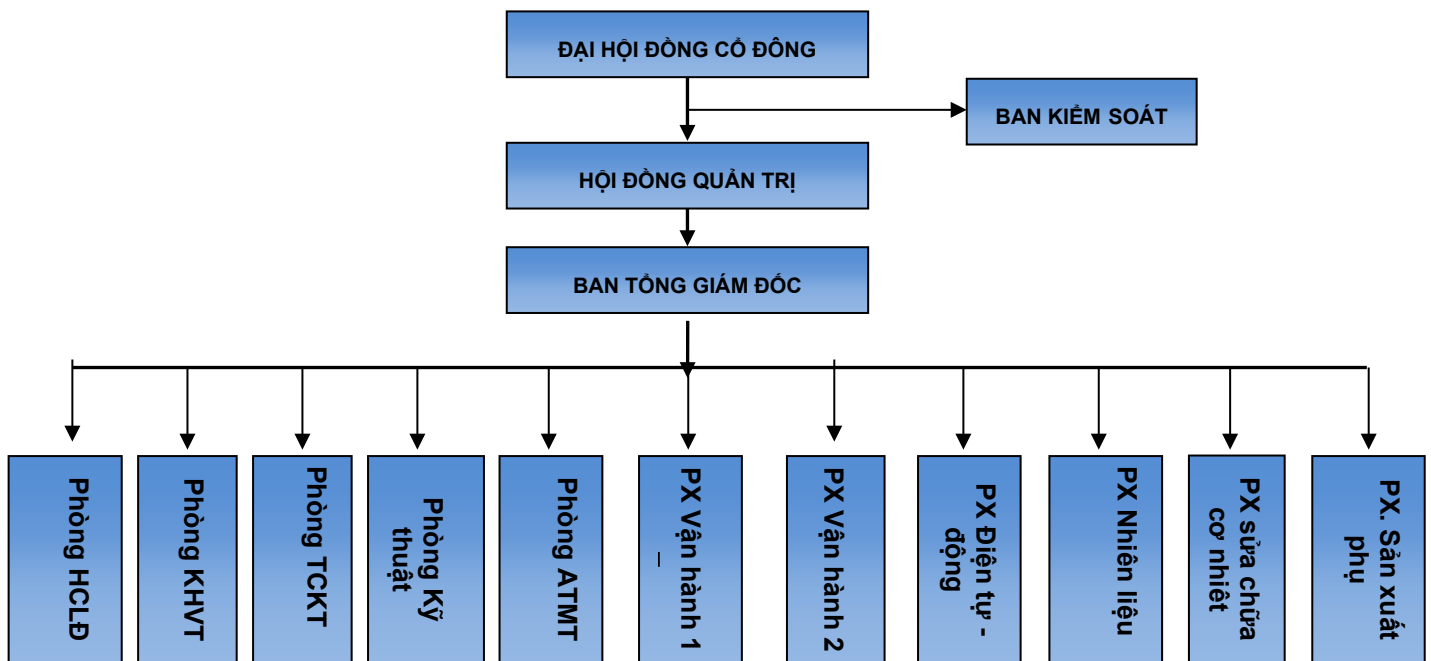
+ Vốn điều lệ: 10.677 tỷ đồng.

+ Trụ sở chính: Số 01 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

+ Giấy Chứng nhận ĐKKD số 1800590430 do Sở KH&ĐT TP.Cần Thơ cấp ngày 19/11/2012.

- Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình công ty Cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý đến ngày 31/12/2020:



## 5. Định hướng phát triển

### a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn, liên tục và hiệu quả, cung ứng điện cho nền kinh tế hàng năm từ 6-7,5 tỷ kWh.
- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông.
- Đầu tư, nâng cao chất lượng cải thiện môi trường, hướng tới sự phát triển bền vững.
- Nâng cao đời sống vật chất, văn hoá tinh thần cho người lao động.

### b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Duy trì các tổ máy phát điện an toàn, hiệu quả và đảm bảo môi trường.
- Sửa chữa, bảo dưỡng nhằm duy trì phát điện ổn định các tổ máy.
- Đảm bảo cổ tức cho các cổ đông.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp hiện đại.

- Xây dựng các định mức chi phí, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật.
- Tiết kiệm chi phí.

### c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cao chất lượng cải thiện môi trường, đảm bảo môi trường thân thiện.
- Tham gia và ủng hộ tích cực các hoạt động của xã hội của cộng đồng.

## 6. Các rủi ro:

- Rủi ro cạnh tranh phát điện trên thị trường điện, giữa các nhà máy nhiệt điện với Nhiệt điện, giữa các nhà máy nhiệt điện với thủy điện, giữa các nhà máy nhiệt điện và các nhà máy điện mặt trời, gió.

- Các vật tư sửa chữa chủ yếu vẫn phải nhập khẩu do vậy tác động tỷ giá tăng ảnh hưởng đến chi phí.

- Do chủng loại than đã có nhiều thay đổi so với thiết kế ban đầu, cộng với nhiệt độ nước tuần hoàn đầu vào tăng làm tăng suất tiêu hao nhiệt các tổ máy.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020, tình hình cung cấp điện cho phát triển kinh tế - xã hội của ngành Điện nhìn chung không thuận lợi, có nhiều diễn biến phức tạp do dịch bệnh, thiên tai.

Mặc dù vậy, Công ty đã vận hành ổn định hai nhà máy, theo đó tổng sản lượng điện sản xuất của hai nhà máy đạt 7,26 tỷ kWh, đạt 89,14% kế hoạch giao.

Doanh thu đạt 97% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế 1.538 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 1.469,8 tỷ đồng.

Lũy kế sản lượng điện phát của Công ty đến hết 15/3/2021 đạt 60,2 tỷ kWh.

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % so KH
1. SLĐ sản xuất (tr.kW)	8.102,40	8.150,00	7.265,15	89,14
2. SLĐ thương phẩm (tr.kW)	7.378,66	7.422,20	6.609,81	89,05
<b>3. Tổng doanh thu</b>	<b>11.342.070</b>	<b>11.255.437</b>	<b>10.947.898</b>	97
- Doanh thu SXKD điện (tr.đồng)	11.301.250	11.223.437	10.900.258	97
- Doanh thu Hoạt động tài chính (tr. đồng)	33.792	20.000	43.910	220
- Doanh thu khác (tr. đồng)	7.028	12.000	3.730	31
<b>4. Tổng chi phí (tr. đồng)</b>	<b>10.099.860</b>	<b>10.312.357</b>	<b>9.409.850</b>	91
- Chi phí SXKD điện (tr.đồng)	10.081.134	10.301.529	9.376.662	91
- Chi phí Hoạt động tài chính (tr. đồng)	14.029	0	27.015	
- Chi phí khác (tr. đồng)	4.696	10.828	6.173	57
<b>5. Lãi/ Lỗ trước thuế (tr.đồng)</b>	<b>1.242.211</b>	<b>943.079</b>	<b>1.538.048</b>	163
- SXKD điện (tr.đồng)	1.220.116	921.908	1.523.596	165
- Hoạt động tài chính	19.763	20.000	16.895	84
- Khác (tr. đồng)	2.332	1.172	-2.443	-208
<b>6. Lợi nhuận sau thuế (tr.đồng)</b>	<b>1.172.708</b>	<b>895.926</b>	<b>1.469.804</b>	164

### 2. Tổ chức và nhân sự

- **Danh sách Ban điều hành và Cán bộ quản lý Công ty đến ngày 31/12/2020:**

TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1.	Tạ Công Hoan	Chủ tịch HĐQT	
2.	Lê Minh Tuấn	Thành viên HĐQT chuyên trách	Từ tháng 12/2020
3.	Nguyễn Thường Quang	Tổng Giám đốc	
4.	Dương Sơn Bá	Phó Tổng Giám đốc	

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Ghi chú</b>
5.	Lê Anh Tân	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 01/7/2020
6.	Nguyễn Minh Thành	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 20/10/2020
7.	Nguyễn Minh Thành	Kế toán trưởng	Đến ngày 20/10/2020
8.	Phạm Quốc Toàn	Kế toán trưởng	Từ ngày 18/12/2020
9.	Trần Hồng Vương	Trưởng phòng HCLĐ	
10.	Nguyễn Huy Đông	Phó phòng HCLĐ	
11.	Nguyễn Kim Thịnh	Phó phòng HCLĐ	
12.	Đào Văn Kiên	Phó phòng HCLĐ	
13.	Nguyễn Xuân Đặng	Trưởng phòng KHVT	
14.	Đặng Anh Huy	Phó phòng KHVT	
15.	Trần Thanh Huy	Phó phòng KHVT	
16.	Đỗ Ngọc Hinh	Trưởng phòng Kỹ thuật	
17.	Tổng Hồng Tuấn	Phó phòng Kỹ thuật	
18.	Trần Đức Văn	Phó phòng Kỹ thuật	
19.	Cao Xuân Nhường	Trưởng phòng ATMT	
20.	Cao Bắc Ninh	Phó phòng ATMT	
21.	Trần Xuân Trường	Quản đốc PX. Vận hành 1	
22.	Mai Ngọc Thành	Phó Quản đốc PX. Vận hành 1	
23.	Phạm Văn Luân	Phó Quản đốc PX. Vận hành 1	
24.	Trần Văn Tiến	Quản đốc PX. Điện - Tự động	
25.	Nguyễn Việt Anh	Phó Quản đốc PX. Điện - Tự động	
26.	Trần Quang Trung	Phó Quản đốc PX. Điện - Tự động	
27.	Đỗ Văn Hải	Quản đốc PX. Nhiên liệu	
28.	Hồ Văn Thuận	Phó Quản đốc PX. Nhiên liệu	
29.	Hà Mạnh Huy	Phó Quản đốc PX. Nhiên liệu	
30.	Vũ Xuân Tiệp	Quản đốc PX.SCCN	
31.	Mạc Văn Bắc	Phó Quản đốc PX.SCCN	
32.	Nguyễn Quốc Việt	Phó Quản đốc PX.SCCN	
33.	Nguyễn Chí Thành	Phó Quản đốc PX. Vận hành 2	
34.	Ngô Hồng Phong	Phó Quản đốc PX. Vận hành 2	
35.	Nguyễn Mạnh Hường	Phó Quản đốc PX. Vận hành 2	
36.	Phạm Thanh Hương	Quản đốc PX. Sản xuất phụ	
37.	Phạm Đức Tự	Phó Quản đốc PX. Sản xuất phụ	

**- Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:**

## 1) Ông Tạ Công Hoan:

- Chức danh hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- Sinh ngày: 03/11/1969
- Quê quán: Từ Sơn, Bắc Ninh.
- Địa chỉ thường trú: Nhà số 14/135/48, Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội.
- Dân tộc: Kinh    Tôn giáo: Không
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, tốt nghiệp năm 2002.

- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ C.
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp.
- Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 20/9/2002. Ngày chính thức: 20/9/2003.

### - Quá trình công tác:

- ✓ Từ 10/1993 - 12/1995: Kỹ thuật viên sửa chữa điện, Xí nghiệp thi công cơ giới số 17 (Sao Đỏ, Chí Linh, Hải Dương).
- ✓ Từ 01/1996 - 8/2001: Cán bộ Phòng Kinh tế - Kế hoạch, Ban Quản lý dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2.
- ✓ Từ 9/2001 - 10/2002: Cán bộ Phòng Kế hoạch Vật tư Nhà máy Điện Phả Lại.
- ✓ Từ 11/2002 - 7/2004: Cán bộ Phòng Kỹ thuật - Kế hoạch - Vật tư, Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 3/2003 - 7/2004: Kiên nhiệm nhiệm vụ Thư ký Hội đồng quản trị Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 8/2004 - 6/2006: Phó phòng phụ trách Phòng Kế hoạch Vật tư Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 7/2006 - 11/2016: Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 12/2016 - 30/5/2017: Quản đốc Phân xưởng Nhiên liệu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 6/2017 - 27/12/2018: Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, Giám đốc Ban Quản lý dự án NĐ Hải Phòng 1&2 (trong đó, từ 6/2017 - 14/8/2018, kiêm nhiệm Quản đốc Phân xưởng Nhiên liệu).
- ✓ Từ 28/12/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

## 2) Ông Lê Minh Tuấn

- Chức danh hiện tại: Thành viên HĐQT chuyên trách Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

- Sinh ngày: 22/4/1974
- Quê quán: Quảng Nam - Đà Nẵng.
- Địa chỉ thường trú: 11-12B, Block A3, ERA TOWN, Đường 15B, phường Phú Mỹ, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

- Dân tộc: Kinh    Tôn giáo: Không
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh IELTS 6.0.

- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp .
- Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 14/02/2011. Ngày chính thức: 14/02/2012.
- **Quá trình công tác:**
- ✓ Từ 7/1996 đến 7/1997: Kỹ sư thiết kế trạm điện, Công ty TNHH MAPRO TP HCM
- ✓ Từ 8/1997 đến 6/1999: Trưởng ca tập sự, Nhà máy TĐ Trị An
- ✓ Từ 7/1999 đến 3/2004: Trưởng ca, Nhà máy TĐ Trị An
- ✓ Từ 4/2004 đến 9/2008: Phó Quản đốc, Nhà máy TĐ Trị An
- ✓ Từ 10/2008 đến 2/2009: Phó phòng Kỹ thuật, Nhà máy TĐ Trị An
- ✓ Từ 3/2009 đến 11/2009: Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty CP TĐ Thác Mơ
- ✓ Từ 12/2009 đến 4/2017: Phó Tổng Giám đốc, Công ty CP TĐ Thác Mơ
- ✓ Từ 5/2013 đến nay: Ủy viên HĐQT, Công ty CP TĐ Thác Mơ
- ✓ Từ 5/2017 đến 11/2020: Tổng Giám đốc, Công ty CP TĐ Thác Mơ
- ✓ Từ 12/2020 đến nay: Thành viên HĐQT chuyên trách Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

### 3) Ông Nguyễn Thường Quang

- Chức danh hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

- Họ và tên: Nguyễn Thường Quang Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 10/3/1961. Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 027061000204 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/01/2020.

- Quê quán: Tri Phương, Tiên Du, Bắc Ninh.
- Địa chỉ thường trú: Ngũ Lão, Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
- Nơi ở hiện nay: Ngũ Lão, Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
- Điện thoại liên hệ: 0913.385.061
- Trình độ văn hoá: 10/10.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Tự động hóa, tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2000.

- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp
- Ngày vào Đảng: 26/11/1992. Ngày chính thức: 26/11/1993.
- **Quá trình công tác:**
- ✓ Từ 11/1981- 4/1983: CNVH Trạm 110 nhà máy điện Phả Lại.
- ✓ Từ 5/1983-10/1989: Trục chính khối tổ máy 1&2 NM điện Phả Lại.
- ✓ Từ 11/1989-10/1991: Trưởng kíp vận hành điện NM điện Phả Lại.
- ✓ Từ 11/1991-1/2000: Kỹ thuật viên vận hành NM điện Phả Lại.
- ✓ Từ 1/2000-4/2000: Đào tạo Trưởng ca NM điện Phả Lại 2.
- ✓ Từ 5/2000-5/2002: Trưởng ca vận hành tổ máy 5&6 NM nhiệt điện Phả Lại.
- ✓ Từ 6/2002-10/2002: Trưởng phòng kỹ thuật đào tạo Ban CBSX Phả Lại 2.
- ✓ Từ 11/2002-10/2003: Phó phòng Kỹ thuật vận hành NM nhiệt điện Phả Lại.



- ✓ Từ 11/2003-11/2003: Phó phòng Kỹ thuật - Kế hoạch - Vật tư, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 12/2003- 18/6/2013: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 11/6 – 18/6/2013: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 19/6/2013 – 9/9/2018: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 10/9/2018 – 27/12/2018: Thành viên HĐQT, thực hiện chức trách nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ 27/12/2018 - đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

#### **4) Ông Dương Sơn Bá**

- Họ và tên khai sinh: Dương Sơn Bá
- Sinh ngày: 20/01/1968
- Chức danh hiện tại : Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- Quê quán: xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
- Dân tộc: Kinh                      Tôn giáo: Không.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nhiệt điện, Đại học Bách khoa Hà Nội, hệ chính quy; Cử nhân QTKD, Đại học Bách khoa Hà Nội, tốt nghiệp tháng 6/2012.
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ C.
- Trình độ lý luận: Trung cấp.
- Ngày vào Đảng: ngày 19/4/2002, Ngày chính thức: 19/4/2003.
- **Quá trình công tác:**
- ✓ Từ tháng 4/1994 – 9/1998: Kỹ sư Nhà máy điện, Công ty phân đạm và hóa chất Hà Bắc.
- ✓ Từ 10/1998 – 4/2000: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật, Ban QLDA Phả Lại 2.
- ✓ Từ 5/2000 – 10/2001: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật, Ban CBSX, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2.
- ✓ Từ 11/2001 – 10/2002: Kỹ thuật viên Phòng Kỹ thuật, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại.
- ✓ Từ 11/2002 – 8/2006: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật, Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 9/2006 – 5/2009: Phó phòng Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 5/2009 – 9/2009: Phó phòng Phụ trách Phòng Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 10/2009 – 11/2013: Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 11/2013 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

#### **5) Ông Lê Anh Tân:**

- Họ và tên khai sinh: Lê Anh Tân                      Sinh ngày: 14/7/1978
- Quê quán: Lê Hóa, Tuyên Hóa, Quảng Bình.
- Nơi ở hiện nay: P.508-C4 khu tập thể Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội.

- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử - Viễn thông, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội; Thạc sỹ QTKD, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, tốt nghiệp năm 2011.
- Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp.
- Trình độ ngoại ngữ: Anh văn C
- Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 06/3/2017. Ngày chính thức: 06/3/2018.
- **Quá trình công tác:**
- ✓ Từ 9/2002 – 8/2003: Kỹ sư vận hành hệ thống điều khiển tự động tại Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam tại thành phố Hồ Chí Minh.
- ✓ Từ 9/2003 – 10/2016: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật, Trung tâm Công nghệ thông tin – Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- ✓ Từ 16/10/2016 – 30/6/2020: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Văn thư lưu trữ, Văn phòng Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- ✓ Từ 01/7/2020 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

**6) Ông Nguyễn Minh Thành:**

- Họ và tên: Nguyễn Minh Thành Sinh ngày: 16/12/1982
- Quê quán: Tiên Phong, Vĩnh Bảo, Hải Phòng.
- Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán, Đại học Kinh tế Quốc dân (Hệ chính quy).
- Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp.
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ C.
- Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 26/7/2012. Ngày chính thức: 15/8/2013.
- **Quá trình công tác:**
- ✓ Từ 8/2004 - 7/2009: Kiểm toán viên Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- ✓ Từ 8/2009 - 4/2010: Kế toán viên, Kế toán viên Phòng Tài chính Kế toán, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
- ✓ Từ 5/2010 – 10/2013: Phó phòng Tài chính Kế toán, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 11/2013 – 10/2019: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ Từ 10/2019 – 10/2020: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- ✓ 10/2020 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
- Số lượng CBCNV tính đến 31/12/2020: 856 người.
- Chế độ chính sách đối với người lao động:
- + Chính sách tiền lương: Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương đối với người lao động có hiệu lực từ 01/01/2016. Công ty đã xây dựng và ban hành Quy chế về công tác lao động và tiền lương cho người lao động và tổ chức thực hiện, đảm bảo công bằng theo mức độ đóng góp của người lao động, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất,

chất lượng, hiệu quả công việc, đảm bảo hài hòa các lợi ích của Công ty và người lao động.

- + Tiền lương bình quân người lao động năm 2020 là: 20.1 triệu đồng/người/tháng.
- Quản trị nguồn nhân lực:
- + Công ty luôn chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực: Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại một số cán bộ lãnh đạo quản lý; khuyến khích áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, bố trí nhân lực làm việc phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn; luôn quan tâm thường xuyên đến công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Chính sách khác:
- + Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động để người lao động có điều kiện tập trung sản xuất, công tác, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo an toàn và hiệu quả; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao...
- Ngoài các chế độ theo quy định của pháp luật mà người lao động được hưởng, Công ty còn xây dựng ký kết Thỏa ước lao động tập thể trong đó có một số quyền lợi người lao động được hưởng cao hơn so với luật như:
  - + Thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất trong lao động sản xuất; thưởng cho các cá nhân có nhiều thành tích thông qua việc cho nghỉ công tác để đi tham quan nghỉ mát trong và ngoài nước.
  - + Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. Người lao động được nghỉ sớm 30 phút vào các ngày cuối tuần và ngày nghỉ lễ, Tết.
  - + Thực hiện một số chế độ khác có lợi cho người lao động.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2020, Công ty tổ chức triển khai thực hiện đầu tư 02 Dự án:

- Dự án Nâng cấp hệ thống xử lý khí thải NMNĐ Hải Phòng 1 và 2.
- Dự án: Xây dựng nhà hành chính tại nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty tham gia góp vốn vào Công ty dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc (NPS) với tổng số cổ phần là 50.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần), tương đương với tỷ lệ sở hữu: 0,417%

### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019 (tr. Đồng)	Năm 2020 (tr. Đồng)	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	12.663.606	11.210.550	89
Doanh thu thuần	11.301.250	10.900.258	96
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.239.879	1.540.490	124
Lợi nhuận khác	2.332	-2.443	-105
Lợi nhuận trước thuế	1.242.211	1.538.047	124
Lợi nhuận sau thuế	1.172.708	1.469.804	125

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (dự kiến)	16%	24,25%	152
--------------------------------------	-----	--------	-----

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,24	1,86	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,04	1,53	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,51	0,38	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,04	0,61	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	20	13,4	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,89	0,97	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,104	0,135	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,189	0,212	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,093	0,131	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,11	0,141	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 500.000.000 cổ phần (Năm trăm triệu cổ phần).
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: Căn cứ sổ cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng chốt đến ngày 09/02/2021, cơ cấu cổ đông như sau:

- Theo tỷ lệ sở hữu: Cổ đông (4 nhà đầu tư) sở hữu từ 5% cổ phần trở lên, chiếm 93,18%. Cổ đông (1350 nhà đầu tư) sở hữu cổ phần dưới 5% chiếm 6,82%.
- Theo tổ chức: 14 cổ đông là tổ chức và 1340 cổ đông cá nhân. Trong đó có 18 cổ đông nước ngoài.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

*6.1 Tác động lên môi trường*

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: 6.984.454 tấn Co2

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì tổ máy vận hành đạt hiệu suất cao, tối ưu hóa nhiên liệu than đầu vào.

### 6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Than: 3,39 triệu tấn.
- Dầu FO: 10.172 tấn.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: 0%.

### 6.3 Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng điện sử dụng lấy từ hệ thống điện tự dùng của Nhà máy khi tổ máy đang phát điện hoặc mua điện từ lưới trong trường hợp ngừng dự phòng, sửa chữa.

- o Điện lấy từ hệ thống tự dùng nhà máy: 655,34 triệu kWh.
- o Điện lấy từ lưới điện: 15,61 triệu kWh.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 46,83 trkWh so với phương án giá điện (thực hiện đề án giảm điện tự dùng do vận hành tối ưu các hệ thống tự dùng trong nhà máy).

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Đề án giảm điện tự dùng trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng giai đoạn 2016÷2020;

### 6.4 Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn cung cấp nước từ hồ Đà Nẵng, lượng nước khoảng 8,91 triệu m<sup>3</sup>/năm.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Lượng nước tái sử dụng (dùng nước thải để thải xỉ) chiếm tỷ lệ 37,75%, khoảng 3,6 triệu m<sup>3</sup>/năm.

### 6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

### 6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động: 856 lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 20.1 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- *Chính sách lương*: Công ty đã ban hành Quy chế về công tác lao động và tiền lương đảm bảo phân phối thu nhập công bằng theo mức độ đóng góp của người lao động, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc. Việc chi trả lương được thực hiện theo đúng quy định. Công ty thực hiện chế độ nâng lương

cho cán bộ công nhân viên hàng năm và có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống cán bộ công nhân viên.

- *Chính sách thưởng*: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng dựa trên nguyên tắc gắn với kết quả và hiệu quả lao động đạt được. Công ty tổ chức bình bầu hàng quý để đánh giá kết quả lao động của nhân viên, việc xét thưởng sẽ thực hiện vào cuối năm căn cứ vào quá trình đạt được thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc. Công ty cũng xét thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí. Cuối năm, toàn thể Cán bộ Công nhân viên của Công ty đều được hưởng lương tháng thứ 13.

- *Phúc lợi*: hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động, tổ chức đi nghỉ mát, du lịch, duy trì thường xuyên phong trào văn hóa, thể dục, thể thao...

c) Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

+ Tổng số giờ đào tạo: 2751 giờ.

+ Lượt người được đào tạo: 1768 lượt người.

+ Số giờ đào tạo trung bình: 1,55 giờ/người.

- Các *chương* trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

#### 6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Năm 2020, Công ty luôn chú trọng hỗ trợ gia đình chính sách, ủng hộ quỹ vì người nghèo, hưởng ứng, tham gia tích cực công tác an sinh, nhân đạo, từ thiện xã hội.

#### 6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh của UBCKNN: Không có

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020, tình hình cung cấp điện cho phát triển kinh tế - xã hội của ngành Điện nhìn chung không thuận lợi, có nhiều diễn biến phức tạp khó lường so với kế hoạch đặt ra: Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ở một số địa phương trên cả nước và trên toàn thế giới; tiếp đó các tháng cuối năm thời tiết diễn biến bất thường, thiên tai, lũ lụt ở khu vực các tỉnh miền Trung gây thiệt hại rất lớn cho ngành điện và nền kinh tế, làm giảm nhu cầu điện năng. Trong năm, nhiều dự án điện mặt trời được đưa vào khai thác thương mại. Đó là những nguyên nhân hệ thống hạn chế huy động các tổ máy nhiệt điện than.

Năm 2020, theo kế hoạch sản xuất Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được giao tổng sản lượng điện sản xuất là 8.150 triệu kWh – đây là mức sản lượng điện cao nhất từ trước đến nay.

Về sản lượng điện sản xuất hai nhà máy đạt 7,26 tỷ kWh, đạt 89,14% kế hoạch giao.

Về đầu tư xây dựng:

- Dự án NMNĐ Hải Phòng 2 đã được phê duyệt quyết toán;
- Dự án Nâng cấp hệ thống xử lý khí thải NMNĐ Hải Phòng 1&2: Khởi động triển khai thực hiện Dự án.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Công ty đã sắp xếp mô hình tổ chức và bố trí lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh, bộ máy gọn nhẹ và năng động, nhiệm vụ chủ yếu hiện nay là sản xuất kinh doanh.
- Đã hoàn thành phê duyệt quyết toán dự án đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 2..
- Tăng cường chú trọng hoàn thiện các Quy chế, Quy định trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản lý của Công ty, công tác quản lý của Công ty ngày càng đi vào nền nếp và có hiệu quả cao.
- Ý thức chấp hành kỷ luật lao động của người lao động được nâng cao, ngày càng có trách nhiệm với công việc và gắn bó với công ty.
- Tăng cường công tác tự kiểm soát và kiểm tra nội bộ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng...
- Duy trì việc chấp hành các chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị.

## **2. Tình hình tài chính**

### **a) Tình hình tài sản**

- Tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản dài hạn, trong đó có máy móc và thiết bị. Các tài sản đều tham gia vào hoạt động sản xuất của Công ty. Tổng tài sản của Công ty giảm so với đầu năm là 1.453 tỷ đồng, trong đó:

+ Nguyên nhân tăng/giảm của các chỉ tiêu tăng/giảm từ 10% trở lên và các trường hợp đặc biệt khác (trong đó tăng do đầu tư, mua sắm...): tài sản dài hạn giảm 1.999 tỷ đồng, trong đó, giá trị còn lại của tài sản cố định giảm 1.774 tỷ đồng do khấu hao trong năm. Tài sản ngắn hạn tăng 546 tỷ đồng, trong đó, tiền và tương đương tiền tăng 698 tỷ đồng, các khoản phải thu giảm đi 305,6 tỷ đồng.

+ Tỷ trọng tài sản ngắn hạn, dài hạn/Tổng tài sản, nhận xét, đánh giá mức độ hợp lý của việc phân bổ và xu hướng biến động: Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/ Tổng TS là 37,47%, Tài sản dài hạn là 62,53%. Xu hướng, tỷ trọng tài sản ngắn hạn/ Tổng TS ngày càng tăng lên do giá trị TS dài hạn ngày càng giảm xuống do khấu hao.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện của Công ty, điện năng bán trực tiếp cho Công ty Mua bán điện trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Việc thu hồi công nợ tiền điện tuân thủ quy định của hợp đồng mua bán điện.

### **b) Tình hình nợ phải trả**

- Công nợ phải trả của công ty bao gồm: phải trả nhà cung cấp nguyên liệu, vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh, phải trả gốc vay ngắn và dài hạn, phải trả người lao động, chi phí phải trả về lãi vay và các khoản phải trả khác.

- Các khoản phải trả vốn vay của Công ty chủ yếu là các khoản vay USD và JPY, Công ty vay lại Tập đoàn điện lực Việt Nam khoản vay USD Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc (China Eximbank) và khoản vay JPY Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản (Jbic) nên Công ty sẽ phải chịu rủi ro của biến động tỷ giá hối đoái.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Năm 2020, Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý, chú trọng công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng lao động.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Duy trì vận hành an toàn - kinh tế các tổ máy phát điện, đảm bảo sản xuất phải bù đắp các chi phí; cổ tức dự kiến 8%.

- Nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị trên cơ sở thực hiện tốt các chương trình sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu, đại tu các tổ máy đúng hạn.

- Xây dựng hoàn thiện các định mức tiêu hao, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.

- Bồi huấn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý, vận hành và sửa chữa.

- Thực hiện chuyển đổi số ưu tiên tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, nâng cao chất lượng bảo dưỡng thiết bị.

- Đẩy mạnh chương trình cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý.

- Phát triển bền vững thân thiện môi trường, tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường.

- Nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần CBCNV.

### **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:**

Công ty Kiểm toán KPMG có ý kiến nhấn mạnh cụ thể “Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 34 của Báo cáo tài chính trong đó có mô tả việc Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 do phát hiện ghi nhận thiếu doanh thu liên quan đến CLTG năm 2015”.

Giải trình của Công ty: Sau khi phát hành báo cáo tài chính sau kiểm toán ngày 25/02/2020, Công ty thực hiện đối chiếu và quyết toán doanh thu từ Chênh lệch tỷ giá năm 2015 với Công ty Mua bán điện và phát hiện ra việc ghi nhận thiếu một phần doanh thu từ Chênh lệch tỷ giá năm 2015 trong báo cáo tài chính năm 2020. Vì vậy, Công ty quyết định điều chỉnh lại một số khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc này 31/12/2020. Công ty yêu cầu Công ty TNHH KPMG phát hành lại báo cáo kiểm toán dựa trên những điều chỉnh bổ sung. Do đó Công ty TNHH KPMG mới có ý kiến nhấn mạnh như trên.



#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội**

Sau khi đã xem xét toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, HĐQT thống nhất đánh giá thực trạng công tác quản lý điều hành năm 2020 như sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 ổn định, hiệu quả. Các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, chi phí, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản đạt yêu cầu, đóng góp cao vào ngân sách địa phương, có lãi và chia cổ tức ở mức cao cho các cổ đông.
- Các mặt quản lý được nâng cao, có chất lượng, công tác an ninh được giữ vững; góp phần vào đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia.
- Công tác an toàn, vệ sinh lao động, BVMT, PCCC, PCTT-TKCN đã được quan tâm, đáp ứng yêu cầu trong sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.
- Đời sống văn hoá, tinh thần của CBCNV được quan tâm và nâng cao; Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội được địa phương đánh giá cao.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

- Ban Tổng Giám đốc đã có những chỉ đạo, điều hành bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh được cổ đông giao, bám sát chỉ đạo của HĐQT.
- Ban Tổng Giám đốc báo cáo kịp thời HĐQT để đưa ra các điều chỉnh về chiến lược sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn.
- Ban Tổng Giám đốc đã phân công phụ trách cụ thể cho từng thành viên. Từng thành viên chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc lĩnh vực được phân công.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị bám sát và chỉ đạo để Ban điều hành đảm bảo thực hiện một số vấn đề trọng tâm:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, hiệu quả. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật đạt và tốt hơn định mức kế hoạch được giao; đảm bảo SX phải an toàn; giữ gìn vệ sinh – môi trường.
- Tiết kiệm chi phí giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường; đảm bảo mục tiêu sản xuất có lãi.
- Sử dụng nguồn tài chính hợp lý và hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn bền vững.
- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng các qui chế, qui định, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phục vụ công tác quản lý.
- Triển khai mạnh mẽ đề án chuyển đổi số, trong năm 2021 đưa vào áp dụng một số lĩnh vực được xác định ưu tiên.
- Nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.
- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần người lao động; Tham gia đầy đủ công tác an sinh xã hội.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- Ông Tạ Công Hoan – Chủ tịch HĐQT .
- Ông Nguyễn Thường Quang – Thành viên HĐQT.
- Ông Lê Minh Tuấn – Thành viên HĐQT.
- Ông Ngô Minh Quân – Thành viên HĐQT.
- Ông Nguyễn Đức Luyện – Thành viên HĐQT.
- Ông Lê Ngọc Nam – Thành viên HĐQT.
- Ông Lê Văn Chính – Thành viên HĐQT.

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1	Ông Tạ Công Hoan	10.000	
2	Ông Nguyễn Thường Quang	60.000	
3	Ông Lê Minh Tuấn	0	
4	Ông Ngô Minh Quân	0	Trưởng Ban TCNS Tổng Công ty Phát điện 2
5	Ông Nguyễn Đức Luyện	0	Phó Ban TCKT – Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
6	Ông Lê Ngọc Nam	0	Trưởng Ban Kế hoạch – Tổng Công ty điện lực Vinacomin
7	Ông Lê Văn Chính	0	Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác:

- Ông Nguyễn Đức Luyện – Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.

b) Các ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không thành lập các ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Tổ chức 01 lần Đại hội Cổ đông thường niên ngày 05/6/2020; 01 lần Đại hội bất thường ngày 18/12/2020; 01 lần xin ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua hiệu chỉnh TMDT Dự án NMNĐ Hải Phòng 2

Hội đồng quản trị thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ, bất thường và nhiều lần lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết các vấn đề sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty kịp thời, hiệu quả. Cụ thể: Tổ chức họp định kỳ hàng quý (04 cuộc họp); 02 hội nghị lãnh đạo Công ty về bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng Công ty; thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản (155 lần) thông qua và quyết định các tờ trình,

báo cáo của Tổng Giám đốc để giải quyết các vấn đề sản xuất kinh doanh, đầu tư, tổ chức cán bộ... kịp thời, hiệu quả.

Việc giám sát của HĐQT với Ban Tổng Giám đốc cũng được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Công ty gửi các thành viên HĐQT định kỳ theo tháng, quý, năm.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Hội đồng quản trị có 05 thành viên độc lập không điều hành, trong đó: 01 thành viên HĐQT là ông Lê Minh Tuấn hoạt động chuyên trách tại Công ty; 04 thành viên HĐQT hiện đang hoạt động tại các đơn vị đầu tư, sản xuất kinh doanh điện là các ông Ngô Minh Quân (Tổng Công ty Phát điện 2), ông Lê Văn Chính (Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại), ông Lê Ngọc Nam (Tổng Công ty điện lực Vinacomin); Thành viên còn lại là ông Nguyễn Đức Luyện (Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước) là thành viên có kiến thức trong lĩnh vực đầu tư tài chính; Những thành viên HĐQT với những kiến thức, kinh nghiệm trong quản lý điều hành đã có nhiều đóng góp, chỉ đạo hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Các thành viên HĐQT Công ty đã tham gia các khóa học về Quản trị Doanh nghiệp.

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1	Bà Phạm Thị Dung – Trưởng Ban kiểm soát	16.005	
2	Bà Huỳnh Thị Phượng Khanh – Thành viên	0	Phó Ban TCKT, Tổng Công ty phát điện 2
3	Bà Lê Thị Thủy – Thành viên	0	Phó Ban Tài chính, Tổng Công ty Điện lực Vinacomin
4	Ông Nguyễn Ngọc Anh	0	Chuyên viên Ban đầu tư 2, Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)
5	Ông Trần Anh Duy	0	Chuyên viên Ban Tổng hợp, Tổng Công ty Phát điện 2

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều 38 – Điều Lệ Công ty:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong quản lý, điều hành Công ty, thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông

giao; Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, trung thực, mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2020 của Ban lãnh đạo Công ty, việc tuân thủ Điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty.

- Thẩm định Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty năm 2020.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

a) Thù lao của thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD của Công ty năm 2020:

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số người bình quân</b>	<b>Số tháng</b>	<b>Mức tiền lương thù lao đồng/người/tháng</b>	<b>Mức tiền lương thù lao đồng/người/năm</b>	<b>Tổng số (đồng)</b>
	<b>Tổng tiền lương Thù lao HĐQT, BKS</b>					<b>2.384.482.000</b>
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	12	51.573.083	618.877.000	618.877.000
2	Tổng giám đốc	1	12	49.802.083	597.625.000	597.625.000
3	Thành viên HĐQT chuyên trách	1	0,43	18.979.000	18.979.000	18.979.000
4	Thành viên HĐQT không chuyên trách	6	12	6.000.000	429.420.000	429.420.000
5	Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	1	12	44.131.750	529.581.000	529.581.000
6	Thành viên ban kiểm soát không chuyên trách	3	12	5.000.000	190.000.000	190.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu cổ đông nội bộ: Không.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: do Thư ký Công ty cung cấp. Công tác quản trị của Công ty đã thực hiện theo các qui định của pháp luật, của Công ty.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

1. Ý kiến kiểm toán: Xem phụ lục ý kiến kèm theo.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Xem phụ lục báo cáo kèm theo.

Báo cáo này phát hành thay thế báo cáo số 1355/BC-NĐHP ngày 22/3/2021 về việc báo cáo thường niên công ty đại chúng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng năm báo cáo 2020./.

### ***Nơi nhận:***

- UBCKNN (bản giấy);
- Sở GD chứng khoán Hà Nội (bản giấy);
- <http://www.ndhp.com.vn>;
- Lưu: VT, KHVT, HCLĐ, TCKT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thường Quang**



KPMG'S COPY

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2020

*(được điều chỉnh lại)*



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh số**

0203000279

ngày 17 tháng 9 năm 2002

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200493225 ngày 13 tháng 11 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Tạ Công Hoan	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thường Quang	Thành viên
Ông Lê Văn Chính	Thành viên (từ ngày 5 tháng 6 năm 2020)
Ông Ngô Minh Quân	Thành viên (từ ngày 5 tháng 6 năm 2020)
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên (từ ngày 18 tháng 12 năm 2020)
Ông Nguyễn Trâm	Thành viên (đến ngày 5 tháng 6 năm 2020)
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên (đến ngày 5 tháng 6 năm 2020)
Ông Nguyễn Minh Thành	Thành viên (đến ngày 18 tháng 12 năm 2020)
Ông Lê Ngọc Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Luyện	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Phạm Thị Dung	Trưởng Ban Kiểm soát (từ ngày 18 tháng 12 năm 2020)
Ông Phạm Quốc Toàn	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 18 tháng 12 năm 2020)
Bà Huỳnh Thị Phượng Khanh	Thành viên
Bà Lê Thị Thủy	Thành viên
Bà Thái Thị Thùy Trang	Thành viên (từ ngày 5 tháng 6 năm 2020 đến ngày 18 tháng 12 năm 2020)
Ông Trần Anh Duy	Thành viên (từ ngày 5 tháng 6 năm 2020)
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên (từ ngày 18 tháng 12 năm 2020)

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Thường Quang Ông Dương Sơn Bá Ông Lê Anh Tân  Ông Vũ Xuân Dũng  Ông Nguyễn Minh Thành	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2020) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 3 năm 2020) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 20 tháng 10 năm 2020)
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Nguyễn Thường Quang	Tổng Giám đốc
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Thôn Đoan, Xã Tam Hưng Huyện Thủy Nguyên Thành phố Hải Phòng Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



## **Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc   


Nguyễn Thường Quang  
*Tổng Giám đốc*

Thành phố Hải Phòng, ngày 25 tháng 2 năm 2021, riêng đối với các điều chỉnh được mô tả trong Thuyết minh 34 là ngày 22 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 2 năm 2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 41, riêng đối với các điều chỉnh được mô tả trong Thuyết minh 34 được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt vào ngày 22 tháng 3 năm 2021.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 34 của báo cáo tài chính trong đó có mô tả việc Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 do phát hiện việc ghi nhận thiếu khoản doanh thu liên quan đến chênh lệch tỷ giá năm 2015.

Trước đây, vào ngày 25 tháng 2 năm 2021, chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán số: 20-01-00343-21-1 về báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 2 năm 2021. Cho mục đích phát hành báo cáo kiểm toán này, trừ các thủ tục kiểm toán để đánh giá sự phù hợp của các điều chỉnh được mô tả trong Thuyết minh 34 được hoàn thành vào ngày 22 tháng 3 năm 2021, chúng tôi không thực hiện bất kỳ thủ tục kiểm toán bổ sung nào khác kể từ ngày phát hành báo cáo kiểm toán trước đây là ngày 25 tháng 2 năm 2021.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không ngoại trừ vấn đề này.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00343-21-2



Trần Thị Lệ Hằng  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số N.3782-2017-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2021, riêng đối với các điều chỉnh được mô tả trong Thuyết minh 34 là ngày 22 tháng 3 năm 2021



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND (Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 34)	1/1/2020 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>4.200.773.644.959</b>	<b>3.655.209.550.979</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>1.476.544.957.452</b>	<b>778.548.300.978</b>
Tiền	111		16.544.957.452	18.548.300.978
Các khoản tương đương tiền	112		1.460.000.000.000	760.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.972.317.525.641</b>	<b>2.277.895.890.649</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.954.656.158.963	2.252.417.458.992
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		464.802.719	1.635.372.229
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	17.740.886.737	24.503.289.206
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(544.322.778)	(660.229.778)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>745.423.558.945</b>	<b>597.827.196.510</b>
Hàng tồn kho	141		745.423.558.945	597.827.196.510
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.487.602.921</b>	<b>938.162.842</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.645.085.000	938.162.842
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.842.517.921	-
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>7.009.776.689.141</b>	<b>9.008.396.667.738</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.786.047.498.422</b>	<b>8.559.733.108.353</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	6.784.696.286.493	8.558.676.118.938
Nguyên giá	222		22.083.494.486.346	22.079.164.840.230
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.298.798.199.853)	(13.520.488.721.292)
Tài sản cố định vô hình	227	10	1.351.211.929	1.056.989.415
Nguyên giá	228		3.507.063.724	2.826.063.724
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.155.851.795)	(1.769.074.309)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>12.187.285.179</b>	<b>230.935.272.907</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	12.187.285.179	230.935.272.907
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12	500.000.000	500.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>211.041.905.540</b>	<b>217.228.286.478</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	134.351.678.323	142.935.509.946
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		76.690.227.217	74.292.776.532
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>11.210.550.334.100</b>	<b>12.663.606.218.717</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2020 VND (Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 34)</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>4.261.525.941.169</b>	<b>6.464.417.232.414</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.258.754.109.348</b>	<b>2.937.243.745.089</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	506.114.501.311	412.809.617.481
Người mua trả tiền trước	312		45.995.251	45.995.251
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	17.704.712.638	53.489.638.914
Phải trả người lao động	314		63.935.604.438	51.309.397.250
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	58.658.375.869	313.074.964.228
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	146.202.468.912	208.140.059.061
Vay ngắn hạn	320	18(a)	1.440.287.631.269	1.870.333.587.131
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	25.804.819.660	28.040.485.773
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.002.771.831.821</b>	<b>3.527.173.487.325</b>
Vay dài hạn	338	18(b)	1.989.171.831.821	3.527.173.487.325
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		13.600.000.000	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>6.949.024.392.931</b>	<b>6.199.188.986.303</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>6.949.024.392.931</b>	<b>6.199.188.986.303</b>
Vốn cổ phần	411	21	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		196.652.770.150	196.652.770.150
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.033.280.000	158.280.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		130.560.492.706	63.435.492.706
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.618.777.850.075	938.942.443.447
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		273.973.558.197	16.234.227.854
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.344.804.291.878	922.708.215.593
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>11.210.550.334.100</b>	<b>12.663.606.218.717</b>

Ngày 25 tháng 2 năm 2021, riêng đối với các điều chỉnh được mô tả trong Thuyết minh 34 là ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Bùi Thu Trang  
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Quốc Toàn  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thường Quang  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	2020 VND (Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 34)	2019 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>10.900.258.405.639</b>	<b>11.301.249.817.229</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>8.988.480.277.828</b>	<b>9.544.862.488.217</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.911.778.127.811</b>	<b>1.756.387.329.012</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	43.909.611.301	33.792.452.564
Chi phí tài chính	22	27	295.344.626.741	397.078.992.315
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		268.329.161.705	383.050.098.856
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	119.852.558.512	153.221.891.424
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>1.540.490.553.859</b>	<b>1.239.878.897.837</b>
Thu nhập khác	31		3.729.754.284	7.028.158.775
Chi phí khác	32		6.172.786.159	4.696.443.852
<b>(Lỗ)/lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(2.443.031.875)</b>	<b>2.331.714.923</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.538.047.521.984</b>	<b>1.242.210.612.760</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>30</b>	<b>68.243.230.106</b>	<b>69.502.397.167</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>1.469.804.291.878</b>	<b>1.172.708.215.593</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.940	2.345

Ngày 25 tháng 2 năm 2021, riêng đối với các điều chỉnh được mô tả trong Thuyết minh 34 là ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người lập:

  
Bùi Thu Trang  
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:

  
Phạm Quốc Toàn  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thường Quang  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2020 VND (Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 34)</b>	<b>2019 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.538.047.521.984</b>	<b>1.242.210.612.760</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		1.777.873.635.148	1.788.061.319.146
Các khoản dự phòng	03		(115.907.000)	46.107.896
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		12.284.480.479	6.914.301.012
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(40.664.672.246)	(32.191.309.299)
Chi phí lãi vay	06		268.329.161.705	383.050.098.856
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>3.555.754.220.070</b>	<b>3.388.091.130.371</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(1.734.024.675.398)	(2.436.079.227.234)
Biến động hàng tồn kho	10		(149.993.813.120)	(257.036.420.825)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		71.211.004.600	129.512.620.596
Biến động chi phí trả trước	12		6.876.909.465	49.297.180.426
			<b>1.749.823.645.617</b>	<b>873.785.283.334</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(25.553.381.347)	(40.120.118.951)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(76.012.913.430)	(56.961.197.585)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(45.609.994.726)	(59.386.044.591)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.602.647.356.114</b>	<b>717.317.922.207</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(14.266.162.745)	(29.830.240.856)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		184.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		39.313.932.519	31.723.835.327
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>25.231.769.774</b>	<b>1.893.594.471</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2020 VND</b>	<b>2019 VND</b>
			<b>(Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 34)</b>	
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		278.050.282.048	1.074.462.204.493
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(498.050.282.048)	(1.179.462.204.493)
Tiền chi trả cổ tức	36		(709.883.964.700)	(528.102.300.275)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(929.883.964.700)</b>	<b>(633.102.300.275)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>697.995.161.188</b>	<b>86.109.216.403</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>778.548.300.978</b>	<b>692.439.084.575</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>1.495.286</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>1.476.544.957.452</b>	<b>778.548.300.978</b>

Ngày 25 tháng 2 năm 2021, riêng đối với các điều chỉnh được mô tả trong Thuyết minh 34 là ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người lập:

  
 Bùi Thu Trang  
 Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:

  
 Phạm Quốc Toàn  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Thường Quang  
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



## Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

#### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 5 tháng 10 năm 2016, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo thông báo ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là HND.

#### (b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

#### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### (d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 855 nhân viên (1/1/2020: 862 nhân viên).

### 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

#### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”). Những khác biệt giữa Chế độ kế toán EVN so với hướng dẫn của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được trình bày trong Thuyết minh 3(h).

#### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

## Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

#### (e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, ngoại trừ nguyên vật liệu là than và dầu dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

#### (f) Tài sản cố định hữu hình

##### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định có thể được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo hướng dẫn tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

##### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 15 năm
▪ tài sản khác	10 năm

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(ii) Tài sản vô hình khác**

Tài sản vô hình khác bao gồm phần mềm tổng đài thông tin nội bộ nhà máy, phần mềm kết nối và truyền dẫn cơ sở dữ liệu, được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và công trình sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí của các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với tài khoản “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới do kết quả của một sự kiện trong quá khứ có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

Nếu Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo hướng dẫn của VAS 18 thì các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 sẽ giảm cùng một số tiền là 227.231.568.619 VND (Thuyết minh 11 và Thuyết minh 16).



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng**

Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng phản ánh số tiền chi đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng nhà máy. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

**(j) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Chi phí khôi phục hiện trường**

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ hoàn nguyên môi trường khi kết thúc Hợp đồng thuê đất. Do tính chất dài hạn của nghĩa vụ này, yếu tố không chắc chắn trọng yếu nhất trong việc ước tính khoản dự phòng này là các chi phí sẽ phát sinh trong tương lai. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, các công việc yêu cầu đối với việc hoàn nguyên môi trường là không chắc chắn. Do đó, Công ty chưa ước tính và ghi nhận khoản dự phòng hoàn nguyên môi trường.

**(l) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.

**(m) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



**(n) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

## **Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

### **(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

### **(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

### **(s) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do đó, yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

### **(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

## Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

#### (u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

#### (v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

#### 4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	122.678.441	113.900.646
Tiền gửi ngân hàng	16.422.279.011	18.434.400.332
Các khoản tương đương tiền	1.460.000.000.000	760.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.476.544.957.452	778.548.300.978

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm là từ 3% đến 5,2% (1/1/2020: 4,5% đến 5,0%).



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
	<b>(Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 34)</b>	
<b><i>Bên liên quan</i></b>		
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (i)	1.948.972.823.599	2.247.530.669.528
<b><i>Các bên thứ ba</i></b>		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hưng Ngọc	206.552.000	343.561.383
Công ty TNHH Global Link Thăng Long	57.953.000	143.106.000
Công ty TNHH My Sơn	251.753.000	316.562.000
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng (ii)	4.985.917.808	3.819.178.081
Các khách hàng khác	181.159.556	264.382.000
	1.954.656.158.963	2.252.417.458.992

- (i) Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời gian thu hồi là 23 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.
- (ii) Dự thu lãi tiền gửi được ghi nhận vào tài khoản phải thu của khách hàng theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (i)	5.997.047.596	16.604.847.596
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	7.858.503.464	5.956.014.166
Các khoản phải thu khác	3.885.335.677	1.942.427.444
	<hr/>	<hr/>
	17.740.886.737	24.503.289.206
	<hr/>	<hr/>

- (i) Số dư này phản ánh khoản chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng trong giai đoạn đầu tư được phép bù trừ với tiền thuê đất hàng năm theo hướng dẫn tại Văn bản số 104/CT-QLTTĐ ngày 20/1/2014 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng.

**8. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá gốc</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	730.710.788.451	581.419.190.259
Công cụ và dụng cụ	14.248.707.308	16.408.006.251
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	464.063.186	-
	<hr/>	<hr/>
	745.423.558.945	597.827.196.510
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	10.363.559.541.245	10.940.525.775.746	220.013.395.876	554.008.377.115	1.057.750.248	22.079.164.840.230
Tăng trong năm	2.928.372.947	3.069.908.956	4.488.352.075	248.150.000	70.950.000	10.805.733.978
Giảm do quyết toán	(3.778.743.149)	(1.925.408.975)	-	-	-	(5.704.152.124)
Thanh lý	-	-	-	(771.935.738)	-	(771.935.738)
Số dư cuối năm	10.362.709.171.043	10.941.670.275.727	224.501.747.951	553.484.591.377	1.128.700.248	22.083.494.486.346
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	5.594.931.264.643	7.364.131.352.347	195.993.699.356	364.660.855.543	771.549.403	13.520.488.721.292
Khấu hao trong năm	731.861.133.879	982.615.764.373	21.096.329.872	43.355.787.077	152.399.098	1.779.081.414.299
Thanh lý	-	-	-	(771.935.738)	-	(771.935.738)
Số dư cuối năm	6.326.792.398.522	8.346.747.116.720	217.090.029.228	407.244.706.882	923.948.501	15.298.798.199.853
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	4.768.628.276.602	3.576.394.423.399	24.019.696.520	189.347.521.572	286.200.845	8.558.676.118.938
Số dư cuối năm	4.035.916.772.521	2.594.923.159.007	7.411.718.723	146.239.884.495	204.751.747	6.784.696.286.493

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 677 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 664 tỷ VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 18(b), các tài sản hình thành từ vốn vay của các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm và các khoản vay lại từ Tập đoàn điện lực Việt Nam, được sử dụng để thế chấp cho chính các khoản vay này của Công ty.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	1.287.956.847	1.538.106.877	2.826.063.724
Tăng trong năm	681.000.000	-	681.000.000
<hr/>			
Số dư cuối năm	1.968.956.847	1.538.106.877	3.507.063.724
<hr/>			
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.133.466.439	635.607.870	1.769.074.309
Khấu hao trong năm	202.842.846	183.934.640	386.777.486
<hr/>			
Số dư cuối năm	1.336.309.285	819.542.510	2.155.851.795
<hr/>			
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	154.490.408	902.499.007	1.056.989.415
Số dư cuối năm	632.647.562	718.564.367	1.351.211.929

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 1.506 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 632 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	230.935.272.907	167.693.924.817
Tăng trong năm	296.062.591.837	224.816.673.732
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	8.483.580.891	9.936.929.369
<i>Công trình sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	287.579.010.946	214.879.744.363
Quyết toán công trình sửa chữa lớn tài sản cố định	(514.810.579.565)	(161.575.325.642)
Số dư cuối năm	12.187.285.179	230.935.272.907

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công trình trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản	12.187.285.179	3.703.704.288
<i>Nâng cấp hệ thống xử lý khí thải</i>	5.625.091.910	3.703.704.288
<i>Các công trình khác</i>	6.562.193.269	-
Chi phí của các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định đã phát sinh nhưng chưa được quyết toán (Thuyết minh 3(h))		- 227.231.568.619
<i>Đầu tư lò hơi số 1</i>		- 48.333.142.142
<i>Đầu tư tuabin máy phát tổ máy số 1</i>		- 38.090.667.615
<i>Đầu tư hệ thống FGD tổ máy số 1</i>		- 19.216.762.984
<i>Đầu tư hệ thống nghiền than tổ 1</i>		- 17.332.564.128
<i>Đầu tư Phụ trợ tuabin</i>		- 14.505.523.448
<i>Đầu tư hệ thống DCS tổ máy số 1</i>		- 13.855.488.700
<i>Nạo vét cảng than</i>		- 606.352.476
<i>Đầu tư hệ thống lọc bụi tĩnh điện và tro bay tổ máy số 1</i>		- 8.113.044.547
<i>Đầu tư các hệ thống phụ tải 6,6 kV, 0,4 kV, DC/UPS</i>		- 7.527.566.720
<i>Các công trình khác</i>		- 59.650.455.859
	12.187.285.179	230.935.272.907

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Địa chỉ	Số lượng cổ phần	31/12/2020				1/1/2020				
		% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	50.000	0,42%	500.000.000	-	(*)	50.000	1%	500.000.000	-	(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.713.314.806	141.222.195.140	142.935.509.946
Phân bổ trong năm	(903.521.256)	(7.680.310.367)	(8.583.831.623)
Số dư cuối năm	809.793.550	133.541.884.773	134.351.678.323

**14. Phải trả người bán ngắn hạn****Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên	96.585.339	-
<i>Các bên liên quan thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>		
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 1	1.038.733.360	1.038.733.359
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	230.569.510	800.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	2.838.845.923	-
<i>Các bên thứ ba khác</i>		
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	330.805.276.778	239.176.995.286
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	46.498.792.739	51.162.338.481
Công ty CP Vật tư & Thiết bị Công nghiệp	10.840.536.685	3.942.352.865
Viện nghiên cứu Cơ khí	18.043.100.075	14.481.784.394
Công ty Cổ phần Việt Long	8.613.927.957	9.256.971.826
Các nhà cung cấp khác	87.108.132.945	92.950.441.270
	506.114.501.311	412.809.617.481

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND (Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 34)	Số đã nộp/cần trừ trong năm VND	31/12/2020 VND (Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 34)
Thuế giá trị gia tăng	27.725.391.535	1.080.379.332.373	(1.108.104.723.908)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.502.397.167	68.277.260.534	(76.012.913.430)	9.766.744.271
Thuế thu nhập cá nhân	275.982.452	4.152.046.006	(4.072.081.291)	355.947.167
Thuế tài nguyên	7.985.867.760	92.548.170.000	(92.952.016.560)	7.582.021.200
Các loại thuế khác	-	8.970.708.000	(8.970.708.000)	-
	53.489.638.914	1.254.327.516.913	(1.290.112.443.189)	17.704.712.638

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định (i)	-	227.231.568.619
Chi phí lãi vay	44.198.043.758	78.131.845.481
Chi phí khác	14.460.332.111	7.711.550.128
	58.658.375.869	313.074.964.228

- (i) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020, số dư này phản ánh chi phí của các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh thực tế trong năm nhưng chưa được quyết toán tại thời điểm cuối năm (Thuyết minh 3(h) và Thuyết minh 11).

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức phải trả	62.319.184.047	97.203.148.747
Thuế giá trị gia tăng doanh thu bán điện chưa xuất hóa đơn	82.401.333.633	109.525.801.420
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất	288.730.677	-
Kinh phí công đoàn	136.136.644	135.936.896
Bảo hiểm xã hội	133.239.283	131.445.600
Các khoản phải trả khác	923.844.628	1.143.726.398
	146.202.468.912	208.140.059.061

Khoản phải trả phi thương mại cho công ty mẹ cấp cao nhất không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	Vay ngắn hạn VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Tổng VND
<b>Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ tại ngày 1/1/2020</b>	-	1.870.333.587.131	1.870.333.587.131
Biến động trong năm:			
Tăng:	278.050.282.048	1.440.287.631.269	1.718.337.913.317
- Giải ngân mới	278.050.282.048	-	278.050.282.048
- Chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả	-	1.430.274.460.265	1.430.274.460.265
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	10.013.171.004	10.013.171.004
Giảm:	(278.050.282.048)	(1.870.333.587.131)	(2.148.383.869.179)
Thanh toán các khoản nợ gốc vay	(278.050.282.048)	(1.870.333.587.131)	(2.148.383.869.179)
<b>Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ tại ngày 31/12/2020</b>	-	1.440.287.631.269	1.440.287.631.269

**(b) Vay dài hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn	3.429.459.463.090	5.397.507.074.456
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.440.287.631.269)	(1.870.333.587.131)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.989.171.831.821	3.527.173.487.325

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Công ty mẹ cấp cao nhất</b>					
▪ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2021	5,78%	360.121.111.666	1.081.061.396.070
▪ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2024	6,07%	2.687.648.800.007	3.457.781.204.308
▪ Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2021	3,91%	73.416.023.506	209.106.759.255
▪ Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2022	4,41%	208.273.527.911	329.557.714.823
<b>Vay từ các tổ chức tín dụng</b>					
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	2022	Lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau + 2,8%	100.000.000.000	320.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				3.429.459.463.090	5.397.507.074.456
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				(1.440.287.631.269)	(1.870.333.587.131)
				1.989.171.831.821	3.527.173.487.325

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay ngoại tệ (USD), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc theo Hợp đồng tín dụng tài trợ số BLA 05135 với tổng giá trị khoản vay 278.034.200 USD cộng 85% giá trị phí bảo hiểm tín dụng xuất khẩu của Công ty Bảo hiểm Tín dụng Xuất khẩu Trung Quốc. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1. Thời hạn vay là 166 tháng, thời gian ân hạn là 46 tháng. Khoản vay chịu lãi suất 5,08%/năm, phí cam kết khoản vay 0,3%/năm; phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 0,5%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Nợ gốc vay được trả 6 tháng/lần, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 21 tháng 1 năm 2012.
- (ii) Khoản vay ngoại tệ (USD), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc theo Hợp đồng tín dụng tài trợ số BLA 0701 với tổng giá trị khoản vay 327.182.260 USD. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay chịu lãi suất 5,62%/năm, phí cam kết khoản vay 0,3%/năm; phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 0,25%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Nợ gốc vay được trả 6 tháng/lần, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 21 tháng 4 năm 2015.
- (iii) Khoản vay ngoại tệ (JPY), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) với tổng giá trị khoản vay 7.740.469.321 JPY. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1. Khoản vay chịu lãi suất 1,76%/năm, phí cam kết khoản vay 0,1%/năm; phí rủi ro tín dụng, phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 1,45%/năm và 0,5%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Nợ gốc vay được trả 6 tháng/lần với thời hạn trả nợ gốc là 11 năm 6 tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 8 năm 2009.
- (iv) Khoản vay ngoại tệ (JPY), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) với tổng giá trị khoản vay 7.319.484.004 JPY. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay chịu lãi suất 2,44%/năm, phí cam kết khoản vay 0,04%/năm; phí rủi ro tín dụng, phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 1,52%/năm và 0,25%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Nợ gốc vay được trả 6 tháng/lần với thời hạn trả nợ gốc là 11 năm 6 tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 12 năm 2010.
- (v) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 24 tháng 9 năm 2009 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 900 tỷ VND, được sử dụng để thanh toán các chi phí của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Thời gian ân hạn là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 120 tháng kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2013. Nợ gốc vay được hoàn trả trong 20 kỳ bán niên.

Các khoản vay (ii), (iv) và (v) được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 9).

Các khoản vay (i) và (iii) không được đảm bảo.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	28.040.485.773	47.932.987.711
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	44.968.885.250	40.801.007.083
Sử dụng trong năm	(45.609.994.726)	(59.386.044.591)
Chi phí khấu hao phân bổ trong năm	(1.594.556.637)	(1.307.464.430)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	25.804.819.660	28.040.485.773



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	5.000.000.000.000	196.652.770.150	-	63.593.772.706	432.035.234.937	5.692.281.777.793
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.172.708.215.593	1.172.708.215.593
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(40.801.007.083)	(40.801.007.083)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(625.000.000.000)	(625.000.000.000)
Điều chuyển nguồn vốn	-	-	158.280.000	(158.280.000)	-	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	<b>5.000.000.000.000</b>	<b>196.652.770.150</b>	<b>158.280.000</b>	<b>63.435.492.706</b>	<b>938.942.443.447</b>	<b>6.199.188.986.303</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.469.804.291.878	1.469.804.291.878
(Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 34)	-	-	-	70.000.000.000	(70.000.000.000)	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(44.968.885.250)	(44.968.885.250)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(675.000.000.000)	(675.000.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	-	-
Điều chuyển nguồn vốn	-	-	2.875.000.000	(2.875.000.000)	-	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>5.000.000.000.000</b>	<b>196.652.770.150</b>	<b>3.033.280.000</b>	<b>130.560.492.706</b>	<b>1.618.777.850.075</b>	<b>6.949.024.392.931</b>

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH			
Một Thành viên	255.000.000	2.550.000.000.000	51,00%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	129.850.000	1.298.500.000.000	25,97%
Các cổ đông khác	115.150.000	1.151.500.000.000	23,03%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên, được thành lập tại Việt Nam.

**22. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 5 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 800 tỷ VND (tương đương 1.600 VND trên một cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019, trong đó có khoản cổ tức 250 tỷ VND (tương đương 500 VND/cổ phiếu) đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2019 (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: phân phối khoản cổ tức 375 tỷ VND (tương đương 750 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2018).

Theo Nghị quyết số 7611/NQ -NĐHP ngày 14 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức 125 tỷ VND, tương ứng 250 VND/cổ phiếu cho các cổ đông của Công ty từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê**

Cam kết thuê chủ yếu liên quan đến từ hợp đồng thuê đất với thời hạn thuê 50 năm ký với Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	10.607.800.000	10.122.463.000
Từ hai đến năm năm	42.431.200.000	40.489.852.000
Sau năm năm	242.840.667.047	240.658.431.744
	295.879.667.047	291.270.746.744

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	59	1.370.381	59	1.371.267
JPY	129.876	29.564.973	129.876	28.068.801
		30.935.354		29.440.068

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng (*)	1.428.128.030.805	1.428.128.030.805
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	5.542.207.886
	1.428.128.030.805	1.433.670.238.691

(\*) Các khoản cam kết chi tiêu vốn của Công ty chủ yếu đến từ dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải của nhà máy nhiệt điện Hải Phòng.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
	<b>(Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 34)</b>	
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán điện	10.892.426.983.900	11.291.413.188.043
▪ Doanh thu bán tro xỉ và doanh thu khác	7.831.421.739	9.836.629.186
	<hr/> 10.900.258.405.639	<hr/> 11.301.249.817.229

**25. Giá vốn hàng bán**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	6.523.217.239.764	7.152.878.087.003
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.766.956.788.586	1.777.129.027.430
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	287.579.010.946	229.058.686.776
Chi phí nhân công và nhân viên	192.402.989.528	193.973.733.944
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	57.884.597.192	44.269.829.582
Chi phí thuế, phí và lệ phí	101.518.878.000	97.866.442.204
Chi phí khác	58.920.773.812	49.686.681.278
	<hr/> 8.988.480.277.828	<hr/> 9.544.862.488.217

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi	40.480.672.246	32.146.309.299
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.428.939.055	1.601.143.265
Thu nhập cổ tức	-	45.000.000
	<hr/> 43.909.611.301	<hr/> 33.792.452.564





**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Chi phí tài chính**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	268.329.161.705	383.050.098.856
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	12.284.480.479	6.914.301.012
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.730.984.557	7.114.592.447
	<hr/>	<hr/>
	295.344.626.741	397.078.992.315

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí đào tạo	3.851.942.075	45.634.567.127
Chi phí thuế, phí và lệ phí	35.377.425.801	27.745.466.074
Chi phí nhân viên	28.879.905.511	28.256.851.172
Chi phí khấu hao và phân bổ	7.650.895.124	8.222.724.792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.082.998.108	7.521.365.939
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	35.009.391.893	35.840.916.320
	<hr/>	<hr/>
	119.852.558.512	153.221.891.424

**29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	6.524.879.004.014	7.154.962.980.241
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.774.607.683.710	1.785.351.752.222
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	287.579.010.946	229.137.739.776
Chi phí nhân viên	221.282.895.039	222.230.585.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.935.285.300	54.500.762.445
Chi phí thuế, phí và lệ phí	116.659.422.880	108.292.580.204
Chi phí khác	116.389.534.451	143.607.979.637



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**30. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2020 VND (Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 34)	2019 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	69.765.413.158	69.502.397.167
Dự phòng thừa trong những năm trước	(1.522.183.052)	-
	68.243.230.106	69.502.397.167

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2020 VND (Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 34)	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.538.047.521.984	1.242.210.612.760
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	153.804.752.198	124.221.061.276
Chi phí không được khấu trừ thuế	276.679.272	31.053.958
Biến động của chênh lệch tạm thời	(14.550.605.154)	14.100.213.806
Ảnh hưởng của việc ghi nhận chênh lệch tạm thời từ những năm trước	-	233.171.492
Ưu đãi thuế	(69.765.413.158)	(69.083.103.365)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(1.522.183.052)	-
	68.243.230.106	69.502.397.167

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất ưu đãi là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu kể từ khi Công ty có doanh thu từ hoạt động sản xuất điện (từ năm 2011 đến năm 2025) và mức thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các năm tiếp theo.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20%.

**31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2020 VND	2019 VND
	(Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 34)	
Lợi nhuận thuần trong năm	1.469.804.291.878	1.172.708.215.593
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	<hr/>	
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.469.804.291.878	1.172.708.215.593
	<hr/>	

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2020 Cổ phiếu	2019 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành từ năm trước mang sang	500.000.000	500.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
	<hr/>	
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	500.000.000	500.000.000
	<hr/>	

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch cho	
	2020 VND	2019 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Thanh toán nợ gốc vay bằng cách cầm trừ với khoản phải thu khách hàng	1.760.333.587.131	1.756.337.884.046
Thanh toán chi phí lãi vay bằng cách cầm trừ với khoản phải thu khách hàng	276.709.582.081	374.559.579.840
Chi phí lãi vay và phí vay lại của các khoản vay	262.081.769.673	353.387.747.626
Phí bảo lãnh khoản vay dài hạn	14.627.812.408	21.171.832.214
Mua điện	26.930.208.202	18.577.091.385
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên</b>		
Chia cổ tức	344.250.000.000	318.750.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Doanh thu bán điện (Được điều chỉnh lại – Thuyết minh 34)	10.892.426.983.900	11.291.413.188.043
<b>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại</b>		
Chia cổ tức	175.297.500.000	162.312.500.000
<b>Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin</b>		
Mua dịch vụ công nghệ thông tin	398.528.124	298.988.429
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương</b>		
Mua dịch vụ	3.147.680.602	-
<b>Công ty TNHH MTV Khách sạn Du lịch và Dịch vụ Thương mại Điện lực</b>		
Mua dịch vụ	-	121.680.000
<b>Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc</b>		
Mua dịch vụ	230.569.510	1.550.810.500
<b>Trường Cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh</b>		
Mua dịch vụ	-	83.514.260
<b>GENCO3 - Ban QLDA Nhiệt điện 1</b>		
Chi phí phải trả	-	1.038.733.359



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ảnh hưởng của các điều chỉnh này đối với báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán**

	Mã số	31/12/2020 VND (theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh VND	31/12/2020 VND (được điều chỉnh lại)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.920.983.838.337	33.672.320.626	1.954.656.158.963
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.021.096.607	1.683.616.031	17.704.712.638
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.586.789.145.480	31.988.704.595	1.618.777.850.075
<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>	<i>1.312.815.587.283</i>	<i>31.988.704.595</i>	<i>1.344.804.291.878</i>

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Mã số	2020 VND (theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh VND	2020 VND (được điều chỉnh lại)
Doanh thu bán hàng	01	10.866.586.085.013	33.672.320.626	10.900.258.405.639
Lợi nhuận gộp	20	1.878.105.807.185	33.672.320.626	1.911.778.127.811
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	1.506.818.233.233	33.672.320.626	1.540.490.553.859
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	1.504.375.201.358	33.672.320.626	1.538.047.521.984
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	66.559.614.075	1.683.616.031	68.243.230.106
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	1.437.815.587.283	31.988.704.595	1.469.804.291.878
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.876	64	2.940

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Mã số	2020 VND (theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh VND	2020 VND (được điều chỉnh lại)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.504.375.201.358	33.672.320.626	1.538.047.521.984
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	3.522.081.899.444	33.672.320.626	3.555.754.220.070
Biến động các khoản phải thu	09	(1.700.352.354.772)	(33.672.320.626)	(1.734.024.675.398)

**35. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 25 tháng 2 năm 2021, riêng đối với các điều chỉnh được mô tả trong Thuyết minh 34 là ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người lập:

  
Bùi Thu Trang  
Phó phòng Tài chính Kế toán

Người duyệt:

  
Phạm Quốc Toàn  
Kế toán trưởng

  
  
Nguyễn Thường Quang  
Tổng Giám đốc

44 10

8 6 10